

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị “về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”

Thực hiện Công văn số 452-CV/BTGTU, ngày 17/2/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng về “*Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Bộ Chính trị về Công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới*”; Huyện ủy Bảo Lâm xin tổng hợp kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Tình hình phổ biến, quán triệt, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Chỉ thị số 20-CT/TW.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”. Huyện ủy đã xây dựng Kế hoạch số 21-KH/HU, ngày 6 tháng 2 năm 2013 chỉ đạo học tập, quán triệt nội dung Chỉ thị và chương trình hành động. Thông qua việc quán triệt, triển khai Chỉ thị số 20, công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã góp phần nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ban ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở; quy định rõ trách nhiệm và phân công cụ thể đến từng cán bộ, đảng viên thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đi sâu đến từng hộ gia đình, đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chăm sóc và trẻ em; hằng năm bố trí nguồn ngân sách cho sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong đó ưu tiên kinh phí hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; gia đình nghèo, cận nghèo.

2. Kết quả triển khai cụ thể

a. Công tác tuyên truyền, vận động

- Chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, phòng ban liên quan tham mưu cho UBND huyện và triển khai truyền thông về công tác bảo vệ trẻ em theo chủ đề hàng năm, nhằm thu hút sự tham gia của xã hội, mở rộng hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng trên địa bàn dân cư; truyền thông trực tiếp và lồng ghép trong trường học về kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cha mẹ, người giám hộ và bản thân trẻ em. Truyền thông, phổ biến về Luật và

Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật, đặc biệt là các nội dung mới của Luật trẻ em năm 2016 (Luật trẻ em số 102/2016/QH13). Tuyên truyền giới thiệu các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, các chương trình hỗ trợ trẻ em bị tìm kiếm sinh, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em nghèo vùng khó khăn học giỏi nhận hỗ trợ của làng trẻ em SOS...

- Phối hợp với Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện tuyên truyền về phòng, chống tai nạn thương tích, tai nạn đuối nước, bạo lực, xâm hại, bóc lột trẻ em trên sóng FM, hệ thống Truyền thanh cơ sở; Công thông tin Điện tử huyện. Thực hiện phong trào "toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em" đảm bảo điều kiện cho các hoạt động học tập, vui chơi của trẻ em ở thôn, tổ dân phố... từ đó nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đến mọi tầng lớp nhân dân.

b. Công tác phối hợp

- Hàng năm, công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em trên địa bàn huyện được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quan tâm thực hiện với những hành động, việc làm thiết thực. Định kỳ 6 tháng, cuối năm Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện; UBND các xã, thị trấn tổng hợp số liệu cụ thể công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn để theo dõi, nắm bắt kịp thời.

- **Phòng Lao động thương binh và xã hội:** Cơ quan đầu mối tổng hợp và thực hiện tốt chức năng đầu mối phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em. Các cơ quan đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ, hàng năm đều thực hiện kiểm tra, giám sát các nội dung liên quan đến chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn huyện. Cụ thể như: Hội Liên hiệp phụ nữ đã triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát phối hợp với UBMTTQ huyện, Phòng Lao động thương binh và Xã hội, Liên Đoàn Lao động, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện... kiểm tra chế độ dinh dưỡng, bếp ăn tập thể đối với một số trường Mầm non đóng trên địa bàn huyện; đặc biệt là một số trường học ở vùng sâu, vùng xa như: xã Lộc Bắc; Lộc Bảo; Lộc Tân; Lộc Lâm...

- **Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:** đã chỉ đạo các đơn vị trường học thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Quốc gia và các hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác phòng, chống dịch Covid-19; chú trọng thực hiện nghiêm Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" và Quyết định 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của huyện.

+ Phối hợp triển khai tiêm ngừa vacin covid 19 cho viên chức, người lao động và học sinh từ 12 tuổi trở lên. Đồng thời rà soát lập danh sách chuẩn bị tiêm vacxin cho trẻ từ 5 tuổi đến 11 tuổi. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định tại Nghị định số

80/2017/NĐ-CP bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

+ Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/8/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển GDMN; giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với trẻ tại các trường mầm non công lập; thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ với số tiền là: 1.305873.000 đồng. Riêng học kỳ I năm học 2021-2022, 1.051 cháu với số tiền: 448.961.000 đồng (thực hiện chi trả 02 tháng). Năm 2021 tổng số tiền chi trả thực hiện chính sách cho giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP là 38.700.000 đồng.

+ Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục bậc tiểu học, bậc trung học cơ sở và bậc trung học phổ thông; chú trọng nâng cao tỷ lệ học sinh khá - giỏi, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp bậc trung học cơ sở; không có học sinh yếu, kém về hạnh kiểm ở bậc tiểu học.

+ Triển khai thực hiện các giải pháp giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số; hướng dẫn việc thực hiện phương pháp giáo dục tích cực, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục. Đồng thời, triển khai có hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục, đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh và phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em trong trường học; phổ biến, tuyên truyền về tác hại của ma túy, rượu bia, thuốc lá; phát hiện và ngăn chặn kịp thời việc học sinh sử dụng trái phép chất gây nghiện.

+ Tăng cường an ninh, an toàn trường học, không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ; bảo đảm an toàn thực phẩm, quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn trong các cơ sở giáo dục có tổ chức bán trú; bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình đưa đón, tham quan, dã ngoại; thực hiện có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học, các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích; thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn huyện phối hợp với UBND huyện xây dựng và tổ chức thực hiện phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục bảo vệ trẻ em, gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo và thực hiện tốt các hoạt động thanh thiếu niên và nhi đồng trong nhà trường.

- **Ngành y tế:** Đã cụ thể hóa các chỉ tiêu liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em để tổ chức thực hiện, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm và từng giai đoạn. Đồng thời tăng cường công tác, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về cải thiện môi trường sống, nâng cao dinh dưỡng cho trẻ em, nhất là trẻ em dưới 5 tuổi; chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và đảm bảo nước sạch ở nông thôn; tăng cường công tác an toàn thực phẩm, hạn chế bệnh truyền nhiễm đối với trẻ em.

- **Phòng Tư Pháp huyện:** Cơ quan thường trực phổ biến giáo dục pháp luật, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội thực hiện việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, tổ chức giáo dục trên phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động tư vấn pháp lý đến vùng khó khăn trong địa bàn huyện; thực hiện làm giấy khai sinh miễn phí cho trẻ em, đảm bảo tốt việc thực hiện quyền khai sinh, có Quốc tịch của trẻ em theo Pháp luật.

- Ngoài ra, các ngành chức năng đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc xử lý kịp thời các loại tội phạm xâm hại trẻ em, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em đi lang thang, bắt trẻ em lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm. Kịp thời giúp đỡ, giải quyết khó khăn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thông qua các chính sách giảm nghèo, giải quyết việc làm... để trẻ em có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, sớm hòa nhập cộng đồng.

3. Thực hiện quyền của trẻ em

- Giáo dục trẻ em:

Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành trung ương; Chương trình hành động 74-Ctr/TU ngày 11/2/2014 của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Về bảo vệ trẻ em:

Thông qua tuyên truyền, thực hiện Luật Bảo vệ, Chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004; Luật trẻ em 2016; công tác khai sinh và cấp thẻ BHYT cho trẻ em được cải thiện, giúp cho gia đình và toàn xã hội nhận thức sâu sắc hơn về quyền được khai sinh của trẻ em. Đến thời điểm báo cáo trẻ em đã được đăng ký khai sinh đúng thời gian quy định đạt 99%. Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến tháng 3/2022 khoảng 1.759 trẻ, giảm so với năm 2012.

4. Các chính sách đối với trẻ em

- Những năm gần đây tình hình dịch bệnh Covid diễn ra phức tạp; đặc biệt là năm 2021 dịch bệnh ảnh hưởng đến nền kinh tế xã hội; nhiều khó khăn và thử thách tác động đến đời sống của nhân dân nói chung và đối với trẻ em trên địa bàn huyện nói riêng. Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid- 19; Thực hiện Quyết định số 1900/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, theo khoản 12 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

- Năm 2021: Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Lâm Đồng hỗ trợ cho trường hợp 02 trẻ em có mẹ nhiễm Covid – 19 dẫn đến tử vong, số tiền hỗ trợ 10.000.000đ; Thực

hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội như: Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha; mẹ thuộc hộ nghèo được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định. Việc thực hiện khai sinh cho trẻ em đạt 99%; tỷ lệ khai sinh muộn không đúng quy định tỷ lệ chiếm rất thấp.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, TỒN TẠI

1. Công tác phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị, đoàn thể trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở một số nơi chưa tốt, chưa đồng bộ, còn hình thức, chất lượng hiệu quả chưa cao, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục trẻ em chưa thường xuyên, liên tục.

2. Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, tổ dân phố còn thiếu, cán bộ phụ trách về công tác trẻ em ở xã, thị trấn chủ yếu kiêm nhiệm do đó việc đi sâu nắm bắt tình hình đến từng hộ gia đình còn nhiều vấn đề nổi cộm như: trẻ em suy dinh dưỡng; trẻ em bị ngược đãi, trẻ em bị xâm hại... chưa được quan tâm thường xuyên.

3. Điều kiện kinh tế, xã hội của huyện Bảo Lâm còn gặp những khó khăn nhất định; nguồn kinh phí chi cho hoạt động của trẻ em còn hạn chế; cơ sở vật chất, các sân chơi cho trẻ em còn quá ít.

4. Công tác thông tin, truyền thông giáo dục trẻ em còn mang tính chất phong trào, thiếu thường xuyên, chưa sâu sát, tính thuyết phục chưa cao.

- Việc quản lý giáo dục thành viên trong gia đình còn chưa phù hợp với tình hình hiện nay.

- Mặc dù đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức của gia đình phụ huynh, tuy nhiên công tác BVCSTE cũng cần được quan tâm như:

Nhận thức của các cấp và cộng đồng về trẻ em vẫn còn hạn chế. Các cán bộ địa phương còn thiếu kiến thức quy định về Trẻ em theo hướng tiếp cận của thế giới.

Hoạt động thông tin tuyên truyền chưa sâu rộng, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa chưa cập nhật.

Hệ thống thu thập thông tin, giám sát, báo cáo số liệu trẻ em còn nhiều hạn chế.

III. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

1. Công tác bảo vệ trẻ em

- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có nguy cơ rơi vào các trường hợp trẻ em vi phạm pháp luật nên rất cần có sự quan tâm phối hợp giữa gia đình và xã hội để ngăn ngừa kịp thời.

- Do thiếu hiểu biết về pháp luật và thiếu sự quan tâm chăm sóc của gia đình đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái, nên còn nhiều trẻ em tuổi vị thành niên có

lối sống buông thả, lười lao động, thích ăn chơi đua đòi. Mặt khác, do tác động của công nghệ thông tin, phim ảnh nên ảnh hưởng đến giới trẻ hiện nay.

2. Công tác chăm sóc trẻ em

- Hoạt động truyền thông vận động xã hội cho công tác chăm sóc trẻ em thực hiện chưa đồng bộ; đội ngũ y bác sĩ, cơ sở vật chất, trang thiết bị của y tế cơ sở còn hạn chế cũng ảnh hưởng đến công tác khám chữa bệnh cho trẻ em.

- Kinh phí đầu tư cho các chương trình liên quan đến chăm sóc trẻ em còn hạn chế. Chưa có điều kiện để tổ chức thực hiện thí điểm và nhân rộng mô hình, gương điển hình tiên tiến, tiêu biểu cho phong trào “Toàn dân bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em”.

3. Công tác giáo dục trẻ em

Mạng lưới trường lớp ở một vài địa phương còn khó khăn, điều kiện cơ sở vật chất trường học còn thiếu thốn; trang thiết bị phục vụ việc chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non ở một số xã còn khó khăn...

4. Hoạt động vui chơi giải trí

- Nguồn kinh phí phân bổ cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn hạn chế, chưa đảm bảo cho việc triển khai các hoạt động ở địa phương, nhất là kinh phí bố trí cho các hoạt động trong Tháng hành động vì trẻ em hàng năm.

- Quỹ đất và kinh phí đầu tư khu vui chơi cho trẻ em chưa có, do điều kiện kinh tế xã hội của huyện còn khó khăn.

- Việc ban hành văn bản triển khai các chính sách, pháp luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em chủ yếu tập trung cụ thể hóa các nhiệm vụ trong năm, chuyên đề cụ thể; chưa ban hành được văn bản liên ngành về công tác phòng chống xâm hại trẻ em giữa các cơ quan chuyên môn thuộc huyện.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em đôi lúc chưa hiệu quả; nhiều hoạt động còn mang tính chất phổ biến kiến thức chung, chưa có nội dung riêng cho từng nhóm trẻ em dễ bị tổn thương cần được bảo vệ.

- Chưa tổ chức được các buổi tập huấn chuyên đề về công tác phòng, chống xâm hại trẻ em. Việc giáo dục kỹ năng sống và kiến thức pháp luật để trẻ em biết tự bảo vệ mình, biết ứng phó các tình huống thường gặp trong cuộc sống, kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ (trong đó có kỹ năng bảo vệ và nuôi dạy con cái) chưa được thực hiện thường xuyên nên công tác giáo dục chưa đạt mục tiêu cao.

- Các thiết chế văn hóa, thông tin và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em còn nghèo nàn, kinh phí đầu tư thấp, chưa có nhiều cơ sở vui chơi, giải trí an toàn cho trẻ em.

- Do thiếu hiểu biết về pháp luật, sự thiếu quan tâm chăm sóc của gia đình và sự tác động của mạng truyền thông xã hội, Internet, phim, sách truyện, đồ chơi độc hại có tính khiêu dâm, bạo lực, đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển tinh thần, trí tuệ của trẻ em.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở cấp xã, thị trấn chưa được bố trí chuyên trách, chủ yếu còn kiêm nhiệm. Do không có kinh phí phụ cấp nên đội ngũ Công tác viên tại các thôn, tổ dân phố đôi lúc thiếu nhiệt huyết, chưa nhiệt tình bám sát địa bàn dẫn đến thông tin cập nhật về tình hình trẻ em tại địa phương đôi lúc còn chậm trễ, chưa kịp thời.

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ TRONG THỜI GIAN TỚI

Xác định công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em là một nhiệm vụ quan trọng, có tính chiến lược lâu dài, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, gia đình, nhà trường và toàn xã hội; để công tác chăm sóc bảo vệ và giáo dục trẻ em trên địa bàn huyện đạt được hiệu quả cao hơn nữa, trong thời gian tới huyện Bảo Lâm tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội để thực hiện có hiệu quả các chính sách đối với trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát động phong trào chăm sóc trẻ em tại cộng đồng, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... nhằm thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 20.

2. Tuyên truyền vận động đến toàn xã hội một cách sâu rộng, có chất lượng, bằng nhiều hình thức đa dạng, thiết thực phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đoàn thể và nhân dân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

4. Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ đối với trẻ em đối với cán bộ làm công tác trẻ em

5. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phối hợp xây dựng môi trường giáo dục kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, góp phần hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.


6. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cha mẹ và người thân nhằm xây dựng thiết chế gia đình bền vững; cha mẹ cũng cần phải trang bị cho con cái biết cách thức phòng vệ trước những đối tượng có ý định thực hiện hành vi xâm hại.

7. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, cả cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, nhất là chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em trong các gia đình nghèo.

V. KIẾN NGHỊ

- Nghiên cứu chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm công tác trẻ em, cộng tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em để tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương.

- Có các chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với 1 số xã khó khăn vùng sâu, vùng xa. Ban hành chế tài xử lý răn đe đối với các cá nhân trong việc xâm hại trẻ em, bạo hành trẻ em.

Trên đây là báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị 20- CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới của huyện Bảo Lâm. Lâm. 

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo TU (b/c);
- Thường trực Huyện ủy;
- Các tổ chức cơ sở Đảng;
- Mặt trận và các đoàn thể huyện;
- Lưu.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



K' Linh



**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
CHỈ THỊ 20-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW

Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW từ 2012 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)

STT	Cơ quan ban hành	Tên văn bản	Ngày ban hành	Nguồn thông tin
1				Sở Giáo dục và Đào tạo
....				

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về trẻ em

STT	Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%	50.87	52.06	51.72	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	99.46	99.82	
3	Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ¹	%	100	99.46	99.82	
4	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non ²	%	14	12	18.7	
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non ³	%	75.5	77.98	79.3	
6	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học	%	100	100	100	
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học ⁴	%	99.3	99.5	99.9	
8	Tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học	%	19/10.271 0.18%	0.05	0	
9	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp học trung học cơ sở	%	98.4	98.95	99.7	

10	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở ⁵	%	<u>98.5</u>	98.8	99	
11	Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở	%	2.4	1.12	0.52	
12	Tỷ lệ trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em	%	100	100	100	
13	Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật	%	100	100	100	
14	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp	%	0	0	0	

2. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ trẻ em

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Triệu đồng				Sở Giáo dục và Đào tạo
1	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0	0	0	
2	Nguồn do Trung ương phân bổ về	Triệu đồng	0	0	0	
3	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	0	0	0	



**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
CHỈ THỊ 20-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW

Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW từ 2012 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)

STT	Cơ quan ban hành	Tên văn bản	Ngày ban hành	Nguồn thông tin
1				Sở y tế
....				

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về trẻ em

STT	Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
1	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống	%	4.8	3.3	1.19	Sở y tế
2	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%	3.0	2.4	1.78	
3	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%	6.6	4.2	1.79	
4	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	6.6	4.2	0.59	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng					
	Thể cân nặng theo tuổi	%	14.56	12.96	11.86	
	Thể chiều cao theo tuổi	%		17.24	16.1	
	Thể béo phì	%	0			
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	98.24	97.61	97	
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	96.4	97.5	97.3	
8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh	%	100	100	100	
9	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi ¹ .	%	100	100	100	

2. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ trẻ em

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Triệu đồng				Sở y tế
1	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0	0	0	
2	Nguồn do Trung ương phân bổ về	Triệu đồng	0	0	0	
3	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	0	0	0	



**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
CHỈ THỊ 20-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW

Hoạt động kiểm tra/giám sát, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW

(đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)

	Kiểm tra/giám sát		Sơ kết, đánh giá				Nguồn thông tin
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ hình thức			
				3 năm	5 năm	Khác (ghi rõ)	
Cấp huyện	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	UBND các huyện, TP
Cấp xã	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	UBND các huyện, TP

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Số liệu cơ bản về dân số trẻ em và tình hình trẻ em

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
I	Dân số trẻ em		52.624	55.397	51.907	UBND các huyện, TP
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	31.926	34.292	33.261	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/ tổng dân số	%	60.6	61.9	64	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	13.676	14.677	13.128	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	25.9	26.49	25.3	
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ dưới 6 tuổi	%	13.588 thẻ/13.67 6 = 99.3%	2.864/14.6 77=19.5%	2.380/13.1 28 = 18.1%	2012 năm đầu tiên BHXH in thẻ trẻ em
4	Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi	Người	7.022	6.428	5.518	

	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	38.948/111.953 =34.78%	40.720/115.576= 35.2%	18.646/120.376= 15.48%	
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người	239	205	217	<i>UBND các huyện, TP</i>
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	Người	20	15	17	
2	Trẻ em bị bỏ rơi	Người	10	15	8	
3	Trẻ em không nơi nương tựa	Người	0	0	0	
4	Trẻ em khuyết tật	Người	50	58	65	
5	Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	Người	1	1	1	
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	Người	42	14	53	
7	Trẻ em nghiện ma túy	Người	2	2	3	
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Người	103	95	60	
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	Người	0	0	0	
10	Trẻ em bị bóc lột	Người	0	0	0	
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	Người	11	5	10	
12	Số trẻ em bị mua bán	Người	0	0	0	
13	Số trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Người	0	0	0	
14	Số trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	Người	0	0	0	
III	Trẻ em có hoàn cảnh khác	Người	4	7	6	<i>UBND các huyện, TP</i>
	Trẻ em bị tai nạn thương tích	Người	4	7	6	
1	Trẻ em tử vong do tai nạn thương tích Trong đó:	Người	4	7	6	
2	Trẻ em tử vong do tai nạn đuối nước	Người	2	4	4	
3	Trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	Người	2	3	2	

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về trẻ em

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
I	Bảo vệ trẻ em					<i>UBND các huyện, TP</i>
1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em	%	239/52.624 = 0.45%	205/55.397 = 0.37%	217/51.907 = 4.18%	
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	120/55.624 = 0.2%	150/55.397 = 0.27%	162/51.907 = 0.31%	
3	Số trẻ em bị bạo lực ¹	Người	0	0	0	
4	Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng dân số trẻ em	%	11/52624 = 0.02%	5/55397 = 0.009%	10/51907 = 0.019%	
5	Tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên	%	0	0	0	
6	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	‰	3%	2%	3%	
7	Tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích	‰	0.009%	0.009%	0.009%	
8	Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.	%	0.1	0.1	0.1	
9	Tỷ lệ mức giảm số cuộc tảo hôn hằng năm	%	0.02%	0.02%	0.02%	
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh	%	99	99	99.8	
II	Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em					<i>UBND các huyện, TP</i>
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	0	42.8	42.8	
2	Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	%	100	100	100	
3	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp ²	%	10%	10%	5%	

3. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục

STT	Công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
1	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương?			Lộc Thắng	Lộc Thắng	UBND các huyện, TP
	Trong đó:					
1.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Chương trình	2	3	1	
1.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Đầu Chương trình, Chuyên mục	5	5	1	
1.3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	5	4	2	

4. Tổ chức, bộ máy làm công tác trẻ em

STT	Số lượng cán bộ làm công tác trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
1	Địa phương (tổng số)	Người				UBND các huyện, TP
1.1	Cấp huyện	Người	1	1	1	
	Chuyên trách	Người	0	0	0	
	Kiểm nhiệm	Người	1	1	1	
1.2	Cấp xã	Người	14	14	14	
	Chuyên trách	Người	0	0	0	
	Kiểm nhiệm	Người	14	14	14	
1.3	Cộng tác viên thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	136	136	136	

5. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ trẻ em

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
1	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Triệu đồng	30	30	30	UBND các huyện, TP
1.1	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0	0	0	
1.1.3	Ngân sách do thành phố, quận, huyện, thị xã bố trí (không tính nguồn ngân sách do cấp tỉnh phân bổ về)	Triệu đồng	0	30	0	
1.1.4	Ngân sách do xã, phường, thị trấn bố trí (không tính nguồn ngân sách do cấp tỉnh, huyện phân bổ về)	Triệu đồng	0	0	0	
1.2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	0	0	0	
1.2.1	Vận động của Quỹ bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp)	Triệu đồng	0	0	0	
1.2.2	Vận động từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	0	0	0	

6. Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

Stt	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	ĐVT	Năm 2012	Năm 2016	Năm 2021	Nguồn thông tin
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Cơ sở	1	1	1	UBND các huyện, TP
	Số cơ sở ngoài công lập					
2	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	2	2	2	UBND các huyện, TP
3	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	6	10	10	UBND các huyện, TP